

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ASAM



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	8 - 9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 12
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	14 - 39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán ASAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASAM thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 97/UBCK-GP ngày 04 tháng 9 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến các thay đổi: địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, tên công ty, vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh,... Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 45/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại tầng 6, số 147 – 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Kim Hwan Kyoong	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2023
Ông Ham Doo Yung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Oh SeungLok	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Yang DooSeung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Park Jin Sun	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Trịnh Ngọc Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Công Thạnh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Lê Hữu Phát	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Bà Phạm Thị Như Ý	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025
Ông Đỗ Hải Triều	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trịnh Ngọc Hoa (bổ nhiệm ngày 13 tháng 10 năm 2022).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Hwan Kyoong - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Kim Hwan Kyoan

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Số: 1.1344/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASAM (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASAM tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 24 tháng 3 năm 2025 với cùng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

				Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN					
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		244.258.610.747	138.510.892.020
I. Tài sản tài chính		110		242.238.267.637	137.240.664.411
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		111	VI.1	41.639.804.247	12.177.212.823
1.1. Tiền		111.1		10.639.804.247	5.677.212.823
1.2. Các khoản tương đương tiền		111.2		31.000.000.000	6.500.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		112	VI.3a, e	138.468.390.867	106.053.596.390
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			VI.3b, e	37.000.000.000	-
4. Các khoản cho vay		114	VI.3c	26.006.014.349	20.009.976.898
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		116	VI.3d	(1.873.239.611)	(1.760.127.789)
6. Các khoản phải thu		117		855.096.226	674.357.625
6.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		117.2	VI.4	855.096.226	674.357.625
6.1.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận				20.641.455	96.715.973
6.1.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		117.4		834.454.771	577.641.652
7. Trả trước cho người bán		118	VI.4	122.721.600	66.350.000
8. Phải thu dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp		119	VI.4	19.479.959	19.298.464
9. Các khoản phải thu khác		122	VI.4	17.419.680.000	17.419.680.000
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		129	VI.5	(17.419.680.000)	(17.419.680.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác		130		2.020.343.110	1.270.227.609
1. Tạm ứng		131		2.179.440	-
2. Chi phí trả trước ngắn hạn		133	VI.6a	1.708.508.865	956.718.721
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		134		139.121.984	139.121.984
4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		135		112.628.629	116.482.712
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		136	VI.7	57.904.192	57.904.192
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		23.017.246.045	21.506.883.942
I. Tài sản cố định		220		10.438.761.867	10.053.201.050
1. Tài sản cố định hữu hình		221	VI.8	4.665.423.600	5.263.395.600
- Nguyên giá		222		9.616.022.600	9.616.022.600
- Giá trị hao mòn lũy kế		223a		(4.950.599.000)	(4.352.627.000)
2. Tài sản cố định vô hình		227	VI.9	5.773.338.267	4.789.805.450
- Nguyên giá		228		8.104.699.450	6.724.699.450
- Giá trị hao mòn lũy kế		229a		(2.331.361.183)	(1.934.894.000)
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		240	VI.10	1.435.968.000	690.000.000
III. Tài sản dài hạn khác		250		11.142.516.178	10.763.682.892
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		251		1.798.705.000	1.764.705.000
2. Chi phí trả trước dài hạn		252	VI.6b	5.920.529.716	5.462.582.350
3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		253	VI.11	-	-
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		254	VI.12	3.423.281.462	3.536.395.542
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		267.275.856.792	160.017.775.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.685.332.023	1.864.306.799
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.685.332.023	1.864.306.799
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	VI.13	30.523.386	25.389.579
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.14	1.000.211.278	10.152.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.15	107.320.256	391.687.559
4. Phải trả người lao động	323		-	710.600.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.16	546.575.103	721.536.493
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	4.941.168
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		702.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		265.590.524.769	158.153.469.163
I. Vốn chủ sở hữu	410		265.590.524.769	158.153.469.163
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.17	307.400.000.000	203.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		290.000.000.000	203.000.000.000
a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1.a		290.000.000.000	203.000.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2		17.400.000.000	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.17	(41.809.475.231)	(44.846.530.837)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(43.912.444.018)	(45.653.911.272)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		2.102.968.787	807.380.435
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		267.275.856.792	160.017.775.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004		6.221.757.224	6.221.757.224
2. Ngoại tệ các loại	005		60.259	27.085
3. Cổ phiếu đang lưu hành	006		29.000.000	20.300.000
4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	008		53.660.200.000	84.547.600.000
5. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	010		-	2.265.000.000
6. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	012		12.000.000.000	12.000.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VII.1	364.936.060.000	349.627.360.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		362.575.560.000	347.003.710.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		2.050.000.000	2.050.000.000
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		500.000	497.000.000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		310.000.000	76.650.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		-	15.990.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		-	15.990.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026	VII.2	3.654.129.379	3.527.836.440
3.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027		3.342.755.379	3.527.836.440
3.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		311.374.000	-
4. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031	VII.3	3.654.129.379	3.527.836.440
4.1. Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.1		3.329.955.527	1.177.787.681
4.2. Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.2		324.173.852	2.350.048.759

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025


Trần Thị Pháp
Kế toán trưởng/Người lập
Kim Hwan Kyoan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1.	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		10.587.326.182	8.363.688.098
a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VIII.1	6.418.074.246	3.693.284.255
b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	VIII.2	1.813.206.679	2.193.218.702
c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VIII.3	2.356.045.257	2.477.185.141
1.2.	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VIII.3	677.240.393	271.492.706
1.3.	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VIII.3	993.866.743	1.883.969.399
1.4.	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VIII.4	7.418.847.098	3.995.426.774
1.5.	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		3.083.600.000	4.027.725.000
1.6.	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VIII.4	18.952.317	24.635.915
1.7.	Thu nhập hoạt động khác	11	VIII.4	1.098.517	6.988.076
Cộng doanh thu hoạt động		20		22.780.931.250	18.573.925.968
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1.	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		1.497.546.374	2.230.712.610
a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VIII.1	978.983.706	158.810.597
b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2	VIII.2	518.562.668	2.071.902.013
2.2.	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay	24		113.405.657	(629.233.075)
2.3.	Chi phí hoạt động tự doanh	26		791.083.270	123.353.936
2.4.	Chi phí môi giới chứng khoán	27	VIII.5	6.649.281.218	5.383.703.199
2.5.	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		1.423.039.227	1.540.625.932
2.6.	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		632.063.520	719.272.521
2.7.	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		1.550.000	-
Cộng chi phí hoạt động		40		11.107.969.266	9.368.435.123
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
3.1.	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		18.814.849	178.278.112
3.2.	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		28.586.968	13.735.278
Cộng doanh thu hoạt động tài chính		50		47.401.817	192.013.390
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH					
4.1.	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		1.060.264	28.336.576
4.2.	Chi phí lãi vay	52		26.430.110	377.900.057
Cộng chi phí tài chính		60		27.490.374	406.236.633

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VIII.6	8.646.422.400	6.920.221.197
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		3.046.451.027	2.071.046.405
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71		605.136	39.151
7.2. Chi phí khác	72		10.000.557	(38)
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(9.395.421)	39.189
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		3.037.055.606	2.071.085.594
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		1.741.467.254	1.973.518.452
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		1.295.588.352	97.567.142
IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100	VI.15	-	-
IX. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	200		3.037.055.606	2.071.085.594
X. THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
10.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	501	VIII.7	132	102

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025


Trần Thị Pháp
Kế toán trưởng/Người lập



Kim Hwan Kyoan
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)***6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		3.037.055.606	2.071.085.594
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		299.820.179	2.714.873.368
- Khấu hao tài sản cố định	03	VI.8, 9	994.439.183	959.650.000
- Các khoản dự phòng	04	VI.3d	113.111.822	(629.233.075)
- Chi phí lãi vay	06		26.723.945	377.900.057
- Dự thu tiền lãi	08	VI.4	(834.454.771)	2.006.556.386
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		518.562.668	2.071.902.013
- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		518.562.668	2.071.902.013
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(1.813.206.679)	(2.193.218.702)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(1.813.206.679)	(2.193.218.702)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(74.853.672.350)	(19.326.167.221)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(31.120.150.466)	(38.644.474.068)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		(37.000.000.000)	18.460.496.975
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(5.996.037.451)	950.335.477
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		653.716.170	(539.216.504)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		(181.495)	672.697.043
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		3.854.083	4.415.000
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		20.563.040	(5.457.939)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(174.961.390)	465.366.445
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(1.209.737.510)	427.212.352
- (-) Lãi vay đã trả	44		(26.723.945)	(377.900.057)
- Tăng (giảm) phải trả người bán	45		990.059.278	6.155.298
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(284.367.303)	17.863.241
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(710.600.000)	(725.070.426)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		894.639	(38.590.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(72.811.440.576)	(14.661.524.948)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	VI.10	(2.125.968.000)	(869.253.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(2.125.968.000)	(869.253.450)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	VI.17	104.400.000.000	-
2. Tiền vay gốc	73		34.950.000.000	34.135.900.000
2.1. Tiền vay khác	73.2		34.950.000.000	34.135.900.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(34.950.000.000)	(10.135.900.000)
2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	74.3		(34.950.000.000)	(10.135.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		104.400.000.000	24.000.000.000
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	90		29.462.591.424	8.469.221.602
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	VI.1	12.177.212.823	18.519.341.719
- Tiền	101.1		5.677.212.823	13.519.341.719
- Các khoản tương đương tiền	101.2		6.500.000.000	5.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	VI.1	41.639.804.247	26.988.563.321
- Tiền	103.1		10.639.804.247	26.988.563.321
- Các khoản tương đương tiền	103.2		31.000.000.000	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		210.041.402.027	139.937.534.380
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(251.490.861.051)	(116.424.702.626)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		156.698.095.340	185.834.508.662
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(115.099.252.020)	(206.959.167.551)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng, phí khác	11		(23.091.357)	(18.668.460)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		17.785.208.262	75.204.275.056
7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(17.785.208.262)	(75.204.275.056)
Tăng tiền thuần trong năm	20		126.292.939	2.369.504.405
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	VII.2	3.527.836.440	5.507.343.925
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		3.527.836.440	5.507.343.925
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32		3.527.836.440	5.507.343.925

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Trần Thị Pháp
Kế toán trưởng/Người lập



Kim Hwan Kyoon
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thay đổi trong kỳ

CHỈ TIÊU

I. Biến động vốn chủ sở hữu

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu
2. Lợi nhuận chưa phân phối

2.1 Lợi nhuận đã thực hiện

2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện

Cộng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1

Kim Hwan Kyeon
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trần Thị Pháp
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán ASAM thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 97/UBCK-GP ngày 04 tháng 9 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến các thay đổi: địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, tên công ty, vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh,.... Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 45/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 7 năm 2025.

2. Địa chỉ liên hệ

Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi gần nhất của Công ty ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2023.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

- Quy mô vốn:
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 290.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 265.590.524.769 VND, tổng tài sản là 267.275.856.792 VND.
- Mục tiêu hoạt động:
Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và lưu ký chứng khoán.
- Hạn chế đầu tư:
Công ty thực hiện theo Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các sửa đổi bổ sung như sau:
 - Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
 - Công ty chứng khoán mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá 50% tổng tài sản của Công ty.
 - Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
 - Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
 - Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
 - ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.
- Bên cạnh đó, Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty chứng khoán đang thực hiện cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty chứng khoán đang thực hiện;
 - ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
 - ✓ Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế vay nợ và hạn chế đầu tư sau:
Hạn chế vay nợ:
(Điều 26, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020)
 - + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không vượt quá 5 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư;
 - + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn;
 - + Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.*Hạn chế đầu tư:*
 - + Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu (Khoản 3, Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020);
 - + Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh (Điểm 3, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020).
- Công ty không có công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 29 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 28 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Công ty kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngay khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần "Thu nhập toàn diện khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng trong trường hợp này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Bằng chứng khách quan cho thấy việc suy giảm giá trị của một hoặc một nhóm tài sản tài chính bao gồm các dữ liệu thu thập được của người nắm giữ tài sản về các sự kiện lỗi sau đây:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của Tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là rất cao;
- Thiếu một thị trường hoạt động cho tài sản tài chính có sẵn để bán do các khó khăn về tài chính; hoặc
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
 - Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
 - Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS trong nhóm.

Đối với những khả năng về các bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị đối với một khoản đầu tư vào công cụ vốn còn bao gồm các thông tin về những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của nhà phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại những chi phí đầu tư vào công cụ vốn đó. Một sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới mức chi phí bỏ ra cũng được xem là bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị của tài sản tài chính.

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

6. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

8. Phân loại lại tài sản tài chính

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ - Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

9. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề tại ngày gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào Điều 6, Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí bản quyền phần mềm; chi phí sửa chữa;

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào kỳ hạn hiệu lực của bản quyền phần mềm.

Chi phí sửa chữa

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

13. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Máy móc, thiết bị

3 – 10

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3 – 10

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 5 đến 10 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ của Công ty ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

19. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Các khoản mục không có số liệu

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ở các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các tài sản tài chính

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty chỉ đầu tư vào các loại cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của Công ty gồm: phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính; các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu về cho vay thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu còn lại thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Hội đồng quản trị.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu hồi được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét suy giảm chất lượng tín dụng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một đối tượng đáng kể nào.

Ngoại trừ khoản phải thu khó đòi đã được lập dự phòng tại thuyết minh số VI.4. Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ một năm trở xuống.

Hội đồng quản trị cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Hội đồng quản trị đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Hội đồng quản trị đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	10.478.903.757	5.677.212.823
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	160.900.490	-
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	31.000.000.000	6.500.000.000
Cộng	41.639.804.247	12.177.212.823

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
<i>Của Công ty</i>	<i>10.677.335</i>	<i>958.789.765.716</i>
Cổ phiếu	6.997.035	859.755.827.716
Trái phiếu	3.674.900	98.898.290.000
Chứng chỉ quỹ	5.400	135.648.000
<i>Của nhà đầu tư</i>	<i>18.110.680</i>	<i>842.917.074.667</i>
Cổ phiếu	13.449.783	341.834.217.680
Trái phiếu	4.616.497	499.712.396.987
Chứng khoán khác	44.400	1.370.460.000
Cộng	28.788.015	1.801.706.840.383

3. Các loại tài sản tài chính**3a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	10.485.485.894	10.847.106.000	-	-
FPT	1.617.011.219	1.642.980.000	-	-
VPB	1.127.345.341	1.132.200.000	-	-
CTG	783.744.474	821.240.000	-	-
BMP	716.947.803	729.560.000	-	-
BID	720.731.919	722.370.000	-	-
HAH	1.056.428.426	1.174.500.000	-	-
SSI	972.015.591	1.007.760.000	-	-
GEE	1.230.902.791	1.227.240.000	-	-
Cổ phiếu niêm yết khác	2.260.358.330	2.389.256.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	94.401.945.101	96.121.284.867	105.267.280.529	106.053.596.390
BAF123020	15.376.992.656	15.699.204.800	1.582.042.188	1.664.946.800
CII424002	17.107.276.064	18.809.482.500	49.988.555.033	50.293.224.000
KBC12401	38.536.078.445	38.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
VBA121033	9.284.214.007	9.375.225.183	10.500.514.173	10.888.020.000
VIC123029	5.015.269.967	5.101.936.290	-	-
VBA122001	1.547.953.766	1.565.060.400	24.947.729.833	24.907.144.350
Trái phiếu niêm yết khác	7.534.160.196	7.570.375.694	8.248.439.302	8.300.261.240

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trái phiếu chưa niêm yết	31.500.000.000	31.500.000.000	-	-
BAF12501	21.500.000.000	21.500.000.000	-	-
VDS12502	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Cộng	136.387.430.995	138.468.390.867	105.267.280.529	106.053.596.390

3b. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh.

3c. Các khoản cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Gốc cho vay giao dịch ký quỹ	25.993.514.349	25.993.514.349	19.814.543.186	19.814.543.186
Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán	12.500.000	12.500.000	195.433.712	195.433.712
Cộng	26.006.014.349	26.006.014.349	20.009.976.898	20.009.976.898

3d. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Giá trị phải thu khó đòi	Số đầu năm	Trích lập bổ sung trong kỳ	Số cuối kỳ
Bà Phan Ngọc Thủy Trang ⁽ⁱ⁾	802.957.633	1.029.059.651	65.697.383	1.094.757.034
Bà Nguyễn Thy Mai ⁽ⁱ⁾	579.502.287	731.068.138	47.414.439	778.482.577
Cộng	1.382.459.920	1.760.127.789	113.111.822	1.873.239.611

⁽ⁱ⁾ Số dư dự phòng bao gồm khoản dự phòng cho các khoản lãi đã trích.**3e. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối kỳ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	136.387.430.995	138.468.390.867	2.641.762.688	(560.802.816)	138.468.390.867
1.	Cổ phiếu niêm yết	10.485.485.894	10.847.106.000	378.397.376	(16.777.270)	10.847.106.000
2.	Trái phiếu niêm yết	94.401.945.101	96.121.284.867	2.263.365.312	(544.025.546)	96.121.284.867
3.	Trái phiếu chưa niêm yết	31.500.000.000	31.500.000.000	-	-	31.500.000.000
II.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-	37.000.000.000
	Cộng	173.387.430.995	175.468.390.867	2.641.762.688	(560.802.816)	175.468.390.867

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	Giảm	
I.	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	105.267.280.530	106.053.596.390	828.556.009	(42.240.149)	106.053.596.390
1.	Trái phiếu niêm yết	105.267.280.530	106.053.596.390	828.556.009	(42.240.149)	106.053.596.390
	Cộng	105.267.280.530	106.053.596.390	828.556.009	(42.240.149)	106.053.596.390

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	855.096.226	674.357.625
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.701.370	20.158.905
Phải thu tiền lãi - Trái phiếu doanh nghiệp	20.630.136	96.523.080
Phải thu lãi giao dịch ứng trước tiền bán chứng khoán	11.319	192.893
Phải thu lãi giao dịch ký quỹ	823.753.401	557.482.747
Trả trước cho người bán	122.721.600	66.350.000
Phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	19.479.959	19.298.464
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.633.529	312.994
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	14.846.430	18.985.470
Các khoản phải thu khác	17.419.680.000	17.419.680.000
Cộng	18.416.977.785	18.179.686.089

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	<u>Giá trị phải thu khó đòi</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Dự phòng phải thu khác</i>			
Phải thu Ông Vũ Đức Tâm	17.419.680.000	17.419.680.000	17.419.680.000
Cộng	17.419.680.000	17.419.680.000	17.419.680.000

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	14.386.000	34.723.000
Bản quyền phần mềm	850.926.847	478.524.051
Chi phí trả trước khác	843.196.018	443.471.670
Cộng	1.708.508.865	956.718.721

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	66.329.529	70.687.288
Bản quyền phần mềm	100.794.160	19.230.549
Chi phí sửa chữa	432.050.182	-
Chi phí trả trước khác	5.321.355.845	5.372.664.513
Cộng	5.920.529.716	5.462.582.350

7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	383.896.000	9.232.126.600	9.616.022.600
Số cuối kỳ	383.896.000	9.232.126.600	9.616.022.600
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	383.896.000	201.501.000	585.397.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	383.896.000	3.968.731.000	4.352.627.000
Khấu hao trong kỳ	-	597.972.000	597.972.000
Số cuối kỳ	383.896.000	4.566.703.000	4.950.599.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	5.263.395.600	5.263.395.600
Số cuối kỳ	-	4.665.423.600	4.665.423.600

9. Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	974.400.000	5.750.299.450	6.724.699.450
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.380.000.000	1.380.000.000
Số cuối kỳ	974.400.000	7.130.299.450	8.104.699.450
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	332.841.000	1.602.053.000	1.934.894.000
Khấu hao trong kỳ	48.726.000	347.741.183	396.467.183
Số cuối kỳ	381.567.000	1.949.794.183	2.331.361.183
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	641.559.000	4.148.246.450	4.789.805.450
Số cuối kỳ	592.833.000	5.180.505.267	5.773.338.267

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Công trình thiết kế Website	90.000.000	90.000.000	(180.000.000)	-
Triển khai phần mềm Trái phiếu riêng lẻ	600.000.000	600.000.000	(1.200.000.000)	-
Công trình thi công văn phòng	-	1.435.968.000	-	1.435.968.000
Cộng	690.000.000	2.125.968.000	(1.380.000.000)	1.435.968.000

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ được chuyển với số tiền là 9.946.752.709 VND (năm trước 13.338.586.987 VND).

(i) Chi tiết lỗ tính thuế chưa sử dụng như sau:

Năm 2021	1.536.311.109
Năm 2022	8.410.441.600
Cộng	9.946.752.709

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

12. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 105/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 thay thế cho Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới năm trước, nhưng không vượt quá 2.500.000.000 VND/năm.

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.303.281.462	3.216.314.757
Tiền lãi phân bổ hàng năm	-	200.080.785
Cộng	<u>3.423.281.462</u>	<u>3.536.395.542</u>

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	26.673.045	21.851.361
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	3.850.341	3.538.218
Cộng	<u>30.523.386</u>	<u>25.389.579</u>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC		
Sài Gòn	569.578.240	-
Công ty TNHH SNA Việt Nam	215.344.144	-
Các nhà cung cấp khác	215.288.894	10.152.000
Cộng	<u>1.000.211.278</u>	<u>10.152.000</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	107.320.256	384.126.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các loại thuế khác	-	7.561.169
Cộng	<u>107.320.256</u>	<u>391.687.559</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.037.055.606	2.071.085.594
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (Chi phí không được khấu trừ)	398.678.672	155.672.851
Thu nhập chịu thuế	3.435.734.278	2.226.758.445
Cổ tức được chia trong kỳ	(43.900.000)	-
Lỗ được chuyển trong kỳ	(3.391.834.278)	(2.226.758.445)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lương, thưởng	450.000.000	-
Chi phí thực hiện các dịch vụ môi giới, phân phối chứng khoán	41.222.665	558.674.960
Các chi phí phải trả khác	55.352.438	162.861.533
Cộng	546.575.103	721.536.493

17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	307.400.000.000	203.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	290.000.000.000	203.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	17.400.000.000	-
Lỗ lũy kế	(41.809.475.231)	(44.846.530.837)
Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	(43.912.444.018)	(45.653.911.272)
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	2.102.968.787	807.380.435
Cộng	265.590.524.769	158.153.469.163

(*) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
ASAM Asset Management Co., Ltd.	162.587.100.000	85.187.100.000
SGA Solutions Co., Ltd.	40.000.000.000	40.000.000.000
SGA FTS Co., Ltd.	18.000.000.000	-
Incomiz Co., Ltd.	9.000.000.000	-
Ham Doo Yung	40.000.000.000	40.000.000.000
Các cổ đông góp vốn khác	37.812.900.000	37.812.900.000
Cộng	307.400.000.000	203.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch được tự do chuyển nhượng	362.575.560.000	347.003.710.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.050.000.000	2.050.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	500.000	497.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	310.000.000	76.650.000
Cộng	364.936.060.000	349.627.360.000

2. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>3.342.755.379</i>	<i>3.527.836.440</i>
Của nhà đầu tư trong nước	3.018.581.527	1.177.787.681
Của nhà đầu tư nước ngoài	324.173.852	2.350.048.759
<i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	<i>311.374.000</i>	-
Cộng	3.654.129.379	3.527.836.440

3. Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>3.654.129.379</i>	<i>3.527.836.440</i>
Của nhà đầu tư trong nước	3.329.955.527	1.177.787.681
Của nhà đầu tư nước ngoài	324.173.852	2.350.048.759
Cộng	3.654.129.379	3.527.836.440

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán kỳ này	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán kỳ trước
Lãi bán					
Các cổ phiếu niêm yết	1.613.400	34.609.925.000	32.222.001.949	2.387.923.051	280.000
Các trái phiếu niêm yết	3.121.108	397.632.513.080	393.602.361.885	4.030.151.195	3.693.004.255
Cộng	4.734.508	432.242.438.080	425.824.363.834	6.418.074.246	3.693.284.255
Lỗ bán					
Các cổ phiếu niêm yết	428.100	13.778.255.000	14.502.369.344	(724.114.344)	-
Các trái phiếu niêm yết	580.289	63.184.654.524	63.439.523.886	(254.869.362)	(158.810.597)
Cộng	1.008.389	76.962.909.524	77.941.893.230	(978.983.706)	(158.810.597)

Địa chỉ: Tầng 6 số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6 số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ bán các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	2.356.045.257	2.477.185.141
<i>Cổ tức</i>	43.900.000	-
<i>Trái tức</i>	2.312.145.257	2.477.185.141
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	677.240.393	271.492.706
Từ các khoản cho vay và phải thu	993.866.743	1.883.969.399
<i>Tiền lãi cho vay hoạt động Margin</i>	950.006.894	1.841.342.795
<i>Tiền lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng</i>	43.859.849	42.626.604
Cộng	4.027.152.393	4.632.647.246

4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu môi giới	7.418.847.098	3.995.426.774
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư	3.083.600.000	4.027.725.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	18.952.317	24.635.915
Doanh thu khác	1.098.517	6.988.076
Cộng	10.522.497.932	8.054.775.765

5. Chi phí môi giới chứng khoán**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.148.373.302	1.021.165.113
Chi phí công cụ dụng cụ	1.603.380.477	1.631.354.809
Chi phí khấu hao	936.152.667	917.428.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	186.578.935	108.321.249
Chi phí hoạt động phân phối chứng khoán	1.800.090.000	713.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	939.098.735	936.218.948
Chi phí khác	35.607.102	56.215.080
Cộng	6.649.281.218	5.383.703.199

6. Chi phí quản lý công ty chứng khoán**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.300.916.366	4.314.124.795
Chi phí văn phòng phẩm	69.440.435	91.837.025
Chi phí công cụ, dụng cụ	59.258.028	119.364.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.286.516	42.222.000
Thuế, phí và lệ phí	2.969.296	2.941.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.038.945.095	2.196.593.886
Các chi phí khác	116.606.664	153.137.368
Cộng	8.646.422.400	6.920.221.197

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.037.055.606	2.071.085.594
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.037.055.606	2.071.085.594
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	22.991.713	20.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	132	102

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nhưng trước khi Báo cáo tài chính giữa niên độ được phép phát hành**
Không có.
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**
Không có.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu**
Không có.

X. THÔNG TIN KHÁC

- Giao dịch và số dư với các bên liên quan**
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.
 - Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**
Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.
Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Kim Hwan Kyoona		
Phí cung cấp dịch vụ	2.275.339	4.171.020
Ông Yang Dooseung		
Phí cung cấp dịch vụ	17.707.811	468.224
Bà Trịnh Ngọc Hoa		
Phí cung cấp dịch vụ	2.084.985	5.983.867

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng cụ thể như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Kim Hwan Kyoan	931.000.000	700.000.000
Bà Trịnh Ngọc Hoa	949.800.000	899.000.000

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Asam Asset Management Co., Ltd.	Công ty mẹ

Giao dịch với bên liên quan khác

Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán với Asam Asset Management Co., Ltd với số tiền là 3.063.600.000 VND (năm trước là 4.027.725.000 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	3.646.200.000	1.040.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	13.683.550.000	-
Cộng	17.329.750.000	1.040.000.000

Công ty thuê văn phòng làm việc có diện tích 400m² tại tầng 6, số 147 – 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hoà, TP. Hồ Chí Minh với tiền thuê hàng tháng 257.500.000 VND/tháng và phí quản lý 115.875 VND/m²/tháng.

3. Thông tin về bộ phận

Hội đồng quản trị của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập và trình bày thông tin báo cáo bộ phận do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và lưu ký chứng khoán. Kết quả hoạt động giữa niên độ được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ. Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên, Hội đồng quản trị của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASAM

Địa chỉ: Tầng 6, số 147 - 147 Bis Hai Bà Trưng, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Trần Thị Pháp

Kế toán trưởng/Người lập



Kim Hwan Kyoona

Chủ tịch Hội đồng quản trị

